

## MINH TRỊ DUY TÂN Ở NHẬT BẢN VÀ CÔNG CUỘC GIÁO DỤC YÊU NƯỚC CỦA CÁC SĨ PHU VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

Đặng Xuân Kháng<sup>(\*)</sup>

Cho đến trước ngày Nhật Bản và Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (9/1973), mối quan hệ giữa hai nước đã có một lịch sử lâu dài. Vào thế kỷ XVI - XVII tại Hội An đã từng có một khu phố với khoảng 700 người Nhật sinh sống cùng với những chuyến tàu buôn nhộn nhịp giữa hai nước.

Tiếp đó, công cuộc Duy tân ở Nhật Bản trong những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XIX đã có tác động khá nhiều đến xã hội Việt Nam lúc này, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục. Một dòng giáo dục yêu nước đã thực sự hình thành ở Việt Nam dưới ảnh hưởng của công cuộc Minh Trị Duy tân.

### 1. Minh Trị Duy tân và giới sĩ phu yêu nước Việt Nam

Năm 1868 Nhật Bản bắt đầu tiến hành công cuộc cải cách và được coi là một trong những cuộc cải cách nổi tiếng nhất thế giới. Chỉ trong vòng 30 năm, Nhật Bản đã làm xong công việc mà các nước tư bản Âu - Mỹ phải loay hoay suốt mấy trăm năm. Từ chỗ lạc hậu hơn phương Tây hàng thế kỷ do tự mình đóng cửa cô lập với thế giới bên ngoài, nước Nhật đã nhanh chóng cải cách phát triển kinh tế, đưa nước mình vào hàng các nước tư bản phát triển loại vừa. Vì vậy, Nhật Bản không những bảo toàn được nền độc lập dân tộc trước sức ép của các cường quốc thực dân mà còn cùng nhau tham gia vào công cuộc xâu xé Trung Quốc.

Hơn nữa, quân đội của chính quyền Minh Trị đã giành thắng lợi trong cuộc đọ sức với quân đội Nga hoàng trong cuộc chiến tranh 1904 - 1905 để trở thành lực lượng chi phối ảnh hưởng ở khu vực Đông Bắc Á.

Chiến thắng của Nhật Bản đã gây tiếng vang trên khắp thế giới, đặc biệt trong các nước châu Á, bởi lẽ, chưa có bất kỳ quốc gia châu Á nào lúc này làm được như vậy.

Trong bối cảnh ấy, nước Việt Nam ta vẫn dang phải đối mặt với một thực tế đen tối. Với hai hiệp ước (Hác-măng, 1883 và Patơ-nốt, 1884) chính quyền phong kiến nhà Nguyễn đã thực sự đầu hàng thực dân Pháp. Hết phong trào này đến phong trào khác bùng nổ dưới sự lãnh đạo của các tầng lớp khác nhau, với hy vọng giành lại quyền độc lập, nhưng không thành. Hết thầy, bị thực dân Pháp lần lượt dim trong bể máu. Sau đó giới tư bản Pháp nhanh chóng chuẩn bị cho công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Nỗi thống khổ của nhân dân ta ngày một nhân lên.

Trong khi đó giai cấp tư sản mới chưa xuất hiện. Giai cấp công nhân bắt đầu hình thành cùng với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Nhưng nhìn chung, xã hội Việt Nam vẫn đang ở điểm giao thời của một quá trình mới phân hoá giai cấp. Chưa có giai cấp nào đại biểu cho một phương thức sản xuất mới thay thế

<sup>(\*)</sup>TS., Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

giai cấp phong kiến để lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Vì vậy, vào những năm cuối của thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, tầng lớp sĩ phu yêu nước đã trở thành lực lượng có vai trò tích cực nhất trong việc gánh vác sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Do đặc điểm riêng, họ sớm tiếp nhận được những ảnh hưởng mới từ ngoài đời vào thông qua những "tân thư, tân văn" truyền từ Trung Quốc, Nhật Bản. Trong đó họ đặc biệt có ấn tượng với những cải cách ở Nhật Bản. Họ coi Nhật Bản như một "cứu tinh" của các dân tộc da vàng.

Có lẽ, Nguyễn Trường Tộ là sĩ phu công giáo đầu tiên ở Việt Nam nhận rõ được điều này. Ông rất quan tâm tới Nhật Bản, ông đọc nhiều sách của nước này và cũng nói nhiều lần đến nước Nhật trong các văn bản của ông. Trong một tấu văn gửi triều đình vào năm 1871, ông viết: *"Lại xem Nhật Bản xưa vốn là một lũ người lùn, từ trung điệp nhà Minh mới bắt đầu giao hảo với Hà Lan, làm bạn với Bồ Đào Nha, kể đến mời Hợp chủng quốc giúp vào việc nước, mở mắt nhìn rộng rãi thiên hạ mới có được chí hướng lớn như vậy. Từ đó họ đóng tàu bè, luyện tập võ bị, ưu tiên phát triển thương nghiệp, công nghiệp, đất nước mỗi ngày một mạnh, được khen với mỹ danh là Tiểu Tây... Còn như ngày nay nước ấy có những kế hoạch giao thiệp rộng rãi, những mưu cơ tân tiến thì đâu đâu người ta cũng đã nghe thấy rõ ràng"* [1, tr.408 - 409].

"Á tế Á"<sup>(\*)</sup> là bài thơ ca ngợi công cuộc Minh Trị Duy tân, xuất hiện trong khoảng 1905 - 1906, có đoạn:

"Cờ độc lập đứng đầu phát trước  
Nhật Bản kia vốn nước đồng văn,  
Á Đông mở hội Duy tân,  
Nhật Hoàng là đấng anh quân ai bị ?..."

Và:

"Gương Nhật Bản, đất Á Đông,  
Gương ta ta phải soi chung kéo lăm"[3, tr.93].

Nhiều người khác như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Nguyễn Hàm... đều ca ngợi công cuộc Duy tân của Nhật Bản. Đặc biệt họ đánh giá cao việc cử người ra nước ngoài học tập, tiếp thu kiến thức mới của Nhật Bản, đánh giá cao cải cách giáo dục ở nước này.

Trong bối cảnh các nước láng giềng Xiêm La, Trung Quốc, Nhật Bản náo nức mở cửa, tiếp thu văn minh phương Tây, các sĩ phu tiến bộ hồi cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cũng háo hức tìm hiểu cái mới, ôm ấp chí mộng tiến hành đổi mới đất nước về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo công thức "phú quốc cường binh". Đa số trong họ đều mơ ước một thứ Minh Trị Duy tân của Nhật Bản, bởi lẽ theo họ, đất nước không giàu, không mạnh thì không thể đối phó được với vũ khí hiện đại của thực dân phương Tây. Vì vậy, trong con mắt của đông đảo sĩ phu Việt Nam lúc này, tấm gương Nhật Bản trở nên lung linh, hấp dẫn, soi rọi cho con đường của họ.

Từ đó xuất hiện phong trào Duy tân vào năm 1904 với sự khởi xướng của Phan Bội Châu, Cường Để, Nguyễn Hàm, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân... Một trong những nhiệm vụ trước mắt của Hội để ra là chuẩn bị xuất dương cầu viện, xác định phương châm và thủ đoạn xuất dương. Đây

<sup>(\*)</sup> Á tế Á còn gọi là Đế tình quốc dân ca, có người cho là của Phan Bội Châu, người cho là của Nguyễn Thiện Thuật. Trang cuối: "Nhật Bản 30 năm Duy tân" của Đào Trinh Nhất, xuất bản

năm 1936 cũng ghi là của cụ Nguyễn Thuật. Người khác lại nói của Tăng Bạt Hổ, của Nguyễn Thượng Hiền hoặc Dương Bá Trạc...

cùng chính là nhiệm vụ trọng yếu nhất và được giao cho Phan Bội Châu, Nguyễn Hàm phụ trách.

Theo quan điểm của Nguyễn Hàm: "... tình thế liệt cường bảy giờ, nếu không phải nước đồng chung đồng văn, tất không ai chịu giúp cho ta.

Nước Tàu đã chịu nhượng Việt Nam cho Pháp, lại thêm hiện nay quốc thể suy hèn, cứu mình không xong mà còn cứu được ai. Duy nước Nhật Bản là một nước tân tiến ở trong nội giống (da) vàng mới đánh được Nga, đã tâm đang hàng lắm. Tới đó, đem hết lợi hại tỏ với nó, tất nó ứng viện cho ta. Nếu nó không xuất kích nữa mà muốn tư lượng mua khí giới, tất có thể dễ lắm. Vậy nên chúng ta muốn đứng khốc sấn Tần không chi bằng Nhật Bản là phải!" [2, tr.77].

Trong thời gian sang Nhật "tiền trạm" vào đầu năm 1905, Phan Bội Châu và đồng chí của ông đã bị Nhật Bản khước từ yêu cầu viện trợ quân sự. Công việc duy nhất còn lại là lo cho thanh niên Việt Nam sang du học, bồi dưỡng nhân tài giúp nước. Tài liệu đầu tiên nói một cách hệ thống về vấn đề này là "*Khuyến quốc dân tư trợ du học vấn*" (1905) của Phan Bội Châu. Trong đó, ông cho rằng: "Số dĩ Nhật Bản hoàn thành được sự nghiệp Duy tân là do họ hiểu rõ sự cần thiết của việc cử người ra nước ngoài học tập nhằm mở mang dân trí, bồi dưỡng nhân tài... Nhìn lại Việt Nam ta, nguyên nhân sự khó khăn của dân ta là do hai căn bệnh: ngu muội và nhu nhược... Để chữa trị căn bệnh này... không có kế sách nào khác ngoài xuất dương du học. Thành công của sự nghiệp Duy tân của Minh Trị ở Nhật Bản và sự phát triển sau đó của nó là chỗ chăm lo mở mang "dân trí", bồi dưỡng

nhân tài thông qua việc xuất dương du học" [6, tr.375-376].

Kể từ chuyến học sinh đầu tiên sang Nhật vào cuối năm 1905 đến khi phong trào Đông Du thực sự tan rã vào đầu năm 1909 đã có hơn 200 người sang Nhật học tập.<sup>(1)</sup>

Trước hành động thoả hiệp của Nhật Bản với thực dân Pháp, tất cả học sinh và ban lãnh đạo phong trào đã phải rời Nhật vào tháng 2/1909.

Mặc dù phong trào tồn tại không lâu nhưng nó có ý nghĩa rất to lớn. Nó đã thổi vào dân ta lòng yêu nước, ý chí căm thù giặc và đặc biệt hàng trăm thanh niên được tổ chức sang Nhật học tập, rèn luyện đã trưởng thành. Cùng với phong trào Duy tân và Đông du, đã hình thành ở khắp nơi trong nước một dòng giáo dục yêu nước, ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của đất nước.

## 2. Dòng giáo dục yêu nước dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu

Thực hiện nhiệm vụ của Duy tân Hội, một số sĩ phu do Phan Bội Châu chỉ đạo đang ở Nhật Bản tổ chức cho việc du học của thanh niên ta, cầu xin ngoại viện. Còn lại, các sĩ phu trong nước hoạt động trên khắp 3 miền đất nước.

Trong những năm đầu phong trào vận động cải cách bùng nổ các tỉnh miền Trung. Những sĩ phu yêu nước nổi tiếng như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế, Nguyễn Đình Kiên... đã vật lộn với phong trào ngay từ những ngày Hội mới ra đời.

Phạm vi hoạt động của phong trào Duy tân rất rộng, trong đó mở trường dạy học là

<sup>(1)</sup> Theo lập luận của nhà Việt Nam học Shiraishi Masaya trong tác phẩm đã dẫn, đây là con số của thời điểm đồng nhất. Vì vậy số thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản suốt cả thời kỳ Đông Du (1905-1909) chắc chắn nhiều hơn thế (sđd. tr.399).

hình thức hoạt động chính. Ngoài việc tổ chức các lớp học chữ quốc ngữ, chữ Pháp còn lập ra các *hội buôn* còn gọi là "Quốc thương" để kiếm tiền nuôi thầy giáo, mở thêm trường học, cung cấp sách vở cho học sinh. Hội tổ chức các cuộc diễn thuyết ở nơi công cộng, dùng những bài ca, bài vè để hiểu phổ biến trong quần chúng thiếu học.

Sau một thời gian ngắn, nhiều trường học, cơ sở văn hoá đã được tổ chức rải rác ở khắp các vùng quê tỉnh Quảng Nam, nhằm tạo ra một mẫu người toàn vẹn, với bộ óc sáng suốt trong một thân thể tráng kiện.

Một số trường học nổi bật được thành lập trong thời kỳ này như trường Dục Thanh (Phan Thiết) do các cụ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp khởi xướng. Nhà yêu nước Nguyễn Tất Thành cũng đã có thời gian dạy ở trường này.

Chỉ trong năm 1906, riêng tỉnh Quảng Nam có tới 40 trường lớn nhỏ được thành lập [4, tr.234].

Đặc biệt, trường Diên Phong là tiêu biểu nhất về tổ chức và nội dung giảng dạy trong phong trào Duy tân, cải cách ở vùng đất Quảng.

Bên cạnh đó là trường Phú Lâm thuộc huyện Tiên Phước. Trường do ông Lê Cơ là bà con của Phan Châu Trinh chỉ đạo. Trong trường có lớp riêng của nữ sinh. Ông đã đào tạo được hai cô giáo phụ trách lớp này. Đó là lớp học nữ đầu tiên ở khu vực này, một việc làm rất có ý nghĩa trong phong trào cải cách, tân tiến.

Ngoài việc mở trường học, điều quan trọng nhất của phong trào là đổi mới nội dung giảng dạy.

Phong trào Duy tân chủ trương chấn hưng cổ học, tăng cường việc học thực nghiệm, nhất là để cao chữ quốc ngữ.

*"Chữ quốc ngữ là hồn trong nước*

*Phải đem ra tình trước dân ta*

*Sách Âu Mỹ, sách China*

*Chữ kia chữ nọ dịch ra tỏ tường".*

(Chiêu hồn nước)

Mọi người, mọi giới phải học, học mọi nền văn minh của các dân tộc khác. Được như vậy thì xã hội mới tiến bộ và có quyền sống ngang nhau.

Chủ trương của Hội thật mới và cách mạng. Vì vậy khi chủ trương triển khai và vận dụng vào việc học chỉ sau một thời gian đã có kết quả như ý. Đó là cách học có tính thực dụng, hướng nghiệp. Nó không chỉ có ý nghĩa lúc đó mà còn có ý nghĩa đến tận sau này.

"Học là học có nghề có nghiệp

Trước giữ mình sau giúp người ta

Trâu cây ruộng, chó giữ nhà;

Người không nghề nghiệp ắt là hư sanh?

Cuộc hoàn hải cạnh tranh lắm lúc,

Chỉ đua nhau sự học thế nào?

Anh em kia hỡi đồng bào !

Không lo tiến tới sống sao dạng giờ !".

(Khuyến con đi học)

Nhờ vậy, phong trào đã có ảnh hưởng rất lớn ở trong và ngoài nước, nhất là về lĩnh vực giáo dục.

Về nội dung giảng dạy, các trường được chia thành 2 ban: Ban Hán văn và Ban tiếng Việt. Cả hai ban đều dạy tiếng Pháp và các môn khoa học thường thức. Qua nội dung và phương pháp giảng dạy, có thể thấy phong trào đã đặt ra cho giáo dục những mục tiêu mới và đã được thể hiện một cách sinh động qua các bài thơ văn đương thời.

Trong khi phải sử dụng một số sách học của Trung Quốc, các sĩ phu của phong trào Duy tân đã không coi đó là khuôn vàng thước ngọc mà sử dụng với một thái độ có phê phán. Lôi học Tống Nho, "vinh thân phi gia" đã bị Huỳnh Thúc Kháng kịch liệt phê phán trong bài "Lôi học Tống Nho". "Than ôi ! Cái học Khổng Mạnh lại ra Tống Nho và Tống Nho lại sang khoa cử, đến Tống Nho và khoa cử nhập chung mà lại ra cái học "Tiết yếu" của Bùi Huy Bích thì trong học giới ấy còn bảo có nhân tài xuất hiện được hay sao ?[5, tr.147].

Những việc làm trên đã khiến cho xã hội Việt Nam mang một khuôn mặt mới, một dòng suy nghĩ mới. Ở đâu người ta cũng nghe nói đến tân thư, tân học, hội nông, hội thương, cắt tóc, Âu trang... và đặc biệt văn học, giáo dục bước sang một ngã rẽ tràn đầy sinh khí.

Những thành công của phong trào đã được các nhà sĩ phu thực hành ở trường Dự Thanh và Đông Kinh Nghĩa Thực.

*Đông Kinh Nghĩa Thực* được thành lập ở Hà Nội là trường học tiêu biểu của dòng giáo dục yêu nước trong phong trào Duy tân do tầng lớp sĩ phu tiến bộ chủ xướng.

Vào thời điểm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đối với các sĩ phu yêu nước, Nhật Bản là một mẫu mực, một ước vọng về nhiều giá trị. Vì vậy, trong những năm đầu ở Nhật Bản, các chí sĩ Đông Du đã đến thăm rất kỹ hệ thống trường học ở Nhật Bản.

Keio Gijuku (Khánh Ứng Nghĩa Thực) do Fukuzawa Yukichi (Phúc Trạch Dự Cát) thành lập là một trong trường đại học đầu tiên ở Nhật Bản. Cả Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã đến thăm trường này. Uy danh của Khánh Ứng Nghĩa Thực đã khiến cho các bậc chí sĩ quyết định lấy nó

làm khuôn mẫu cho trường học của mình được thành lập tại ngôi nhà của cụ Lương Văn Can (số 4 Hàng Đào).

Trường mở từ tháng 3 năm 1907. Lúc đầu có khoảng 30 - 50 học sinh là con em của hội viên có cảm tình với Đông Kinh, các nho sĩ yêu nước và một số nhà giàu ở Hà Nội. Chỉ 2 tháng sau: Nghĩa Thực đã nổi tiếng gần xa, thu hút tới 500 và sau đó tới 1000 người.

Trường có 4 ban chuyên môn cơ bản để phụ trách giáo dục trong và ngoài trường, bao gồm: Ban Giáo dục, Ban Tài chính, Ban Cổ động và Ban tu Thư. Trong Ban tu Thư có 2 tiểu ban: Tiểu ban biên soạn tài liệu và Tiểu ban dịch tài liệu.

Mục đích của Đông Kinh Nghĩa Thực là dùng con đường giáo dục để đi tới giành lại độc lập, canh tân xã hội theo hướng tư bản chủ nghĩa. Từ Hà Nội sẽ mở ra nhiều Nghĩa Thực khác ở các nơi xung quanh. Với mục tiêu đó, Nghĩa Thực không chỉ là một trường học mà đã trở thành một phong trào vận động chính trị công khai do các sĩ phu yêu nước lãnh đạo.

Nội dung giáo dục của trường chủ trương mới cả về hình thức lẫn nội dung. Nền học cũ bị kiên quyết phá bỏ, không bỏ Hán tự thì không cứu được nước Nam (bất phế Hán tự, bất túc dĩ cứu Nam quốc), hô hào học chữ ta.

Trường chủ trương học theo cách mới, một lối học mới "táo bạo đến bất ngờ". Cụ Giám học Nguyễn Quyền viết:

"Mở tân giới, xoay nghề tân học,  
Đón tân trào, dựng cuộc tân dân,  
Tân thư, tân báo, tân văn...".

Nghĩa Thực cho nam nữ ngồi cạnh nhau nghe diễn thuyết, tự do thảo luận.

Một lối giảng dạy tự nhiên giúp cho học sinh tiếp thu bằng nhiều cách khác nhau: giảng sách, đọc báo, bình văn, tranh luận, diễn thuyết, học theo bản đồ... "Văn minh tân học sách" của Nghĩa Thục có viết: "Cho phép học trò bàn bạc tha hồ, đối đáp tự do, không phải nề hà, không cần thể cách gì hết".

Lối giảng dạy của Nghĩa Thục là khuyến khích sự sáng tạo, tôn trọng con người. Đối với các cụ, thầy giáo chỉ là cố vấn cho học trò trong quá trình giáo dục, không làm thay họ. Để đề cao tài trí, khuyến khích sáng tạo, các cụ đòi nhà nước phải lưu tâm đến trường học mới. "... nên đón thầy giỏi, mua đồ mẫu, cho người khéo tay, nhanh trí khôn vào học... hạ lệnh cho khắp nước, hễ ai đọc được sách kiểu mới thì, cũng theo lối Âu châu, nên cấp bằng khen, cấp lương bổng... cho giữ quyền sáng tạo để hậu đãi họ.

Những ai giỏi về khoa cách trí, khí học, hoá học thì làm cho họ được vẻ vang, sang trọng hơn những người đồ đại khoa"[4, tr.252].

Hơn nữa, trong chương trình của Nghĩa Thục bao gồm cả phần kiến thức cơ sở và phần kiến thức chuyên ngành.

Ngoài ra, Đông Kinh Nghĩa Thục còn phát động thực hiện nếp sống mới trong nhân dân, khuyến khích kinh doanh để làm giàu.

Mặc dù chỉ tồn tại trong một thời gian rất ngắn nhưng Nghĩa Thục đã nhanh chóng mở rộng hoạt động sang các vùng xung quanh.

Ở Hà Đông có 3 Nghĩa Thục là Thôn Canh, Tây Mỗ và Tân Hội.

Ở Hải Dương có làng Tạ Xá (Nam Sách).

Ở Hưng Yên có Nghĩa Thục ở các làng thuộc huyện Văn Giang, Yên Mỹ...

Ở các địa phương khác như Thái Bình, Vinh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái... phong trào đã có những ảnh hưởng nhất định.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp đã điên cuồng chống lại. Hầu hết giáo viên của trường bị bắt, các hội buôn bị đóng cửa, các cuộc diễn thuyết bị cấm, tài liệu học tập của nhà trường bị tịch thu. Nhà trường bị cấm hoạt động vào tháng 11 cùng năm.

Như vậy, phong trào Duy tân cũng như Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng lại có một ý nghĩa rất lớn. Nó góp phần đáng kể vào sự tiến triển của quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Nó gọi cho dân ta một khái niệm mới mẻ, tiến bộ về tình yêu nước. Nó giáo dục ý thức cạnh tranh, cạnh tiến, rũ bỏ thói tự ti để làm cho mỗi người giàu có hơn, hiểu biết hơn, từ đó làm cho cả quốc gia, dân tộc cùng phú cường, văn minh và đi vượt thiên hạ. Đặc biệt, Nghĩa Thục còn gợi ý về một kiểu trường học, một nền giáo dục tích cực đối với sự cường thịnh của quốc gia và sự phát triển của mỗi người.

*Tóm lại*, dưới ảnh hưởng của công cuộc Minh Trị Duy tân ở Nhật Bản, trong bối cảnh của những ngày đầu mất nước, tầng lớp sĩ phu yêu nước đã đứng ra gánh trọng trách tìm đường cứu nước. Từ đó đã xuất hiện phong trào Duy tân, hình thành một dòng giáo dục yêu nước do họ lãnh đạo.

Tuy không thành, nhưng phong trào đã thực sự gây nên một tiếng vang lớn, tạo bước ngoặt quan trọng trong lịch sử giáo dục Việt Nam nói chung và sinh hoạt chính trị nói chung.

Dưới tác động của phong trào này đã buộc chính quyền bảo hộ Pháp và chính quyền phong kiến Việt Nam có những cải cách, thành lập các trường tiểu học, trung học, đặc biệt là việc thành lập Bộ Học (1906), cải tổ nền giáo dục Việt Nam cho kịp với trào lưu tiến bộ chung.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bá Cẩn, *Nguyễn Trường Tộ - con người và di thảo*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1988.
2. Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập VI, NXB Thuận Hoá, 1990.
3. Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng Tháng Tám*, tập II, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
4. Nguyễn Đăng Tiến (chủ biên), *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng Tháng Tám*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
5. Nguyễn Quang Thắng, *Khoa cử và giáo dục Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, 1994.
6. Shiraishi Masaya, *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á*, tập I, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XIX, N.4, 2003

THE JAPANESE'S MEIJI RENOVATION AND THE VIETNAMESE FEUDAL INTELLECTUALS' MOVEMENT OF THE COUNTRY'S LOVE EDUCATION IN THE EARLY 20<sup>th</sup> CENTURY

Dr. Dang Xuan Khang

*Department of International Studies  
College of Social Sciences and Humanities - VNU*

This article mentioned the influence of the Meiji renovation on the Vietnamese feudal intellectuals at the end of 19th century and the early 20th century. Since then, a movement of going to Japan for both studying and looking for the national salvation led and organized by Phan Bội Châu appeared. One of the matters that attracted particularly great interest of the Vietnamese feudal intellectuals was education.

From the Japanese experience, the Vietnamese feudal intellectuals founded the Dong Kinh Nghĩa Thục School in Hanoi. They also propagated this movement to the nearby provinces.

In fact, the Dong Kinh Nghĩa Thục led by the Vietnamese feudal intellectuals was similar to a spontaneous wave of educational renovation under the Japanese influence. Although the movement was not successful, it was of the strong influence on the struggle against the empire, feudalism in the early 20th century.